

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 167 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 259/2024/CV-TL ngày 28 tháng 6 năm 2024; các Văn bản số 510/2024/CV-TL ngày 06 tháng 12 năm 2024 và số 509/2024/CV-TL ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi về việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Khu dân cư Kim Oanh diện tích 49,8 ha; quy mô 2.499 căn hộ; quy mô dân số 9.573 người (giai đoạn lưu lượng nước thải 567 m³/ngày.đêm)” tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 750/TTr-STNMT ngày 23 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với “Khu dân cư Kim Oanh diện tích 49,8 ha; quy mô 2.499 căn hộ; quy mô dân số 9.573 người (giai đoạn lưu lượng nước thải 567 m³/ngày.đêm)” tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án/hạng mục đầu tư: “Khu dân cư Kim Oanh diện tích 49,8 ha; quy mô 2.499 căn hộ; quy mô dân số 9.573 người (giai đoạn lưu lượng nước thải 567 m³/ngày.đêm)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 3702134666 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2012, thay đổi lần thứ 11 ngày 27 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; Quyết định số 2724/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất 49,8ha tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành.

1.4. Mã số thuế: 3702134666.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

Các hạng mục đã hoàn thành, thuộc phạm vi cấp phép gồm: (1) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: đường giao thông, hệ thống cấp - thoát nước, hệ thống cấp điện - chiếu sáng, thông tin. (2) Đất, nhà ở gồm: 188 căn nhà liên kế phố, 02 căn biệt thự, 1.160 lô đất nền; tương ứng dân số 5.400 người. (3) Công trình xử lý nước thải tương ứng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa 567 m³/ngày đêm, công trình xử lý khí thải (xử lý mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải) tương ứng với lưu lượng khí thải phát sinh tối đa 500 m³/giờ.

(Các hạng mục công trình trên đã được Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng và các biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng).

Quy mô dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 167/GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại khu nhà ở thuộc phạm vi cấp phép (gồm khu nhà ở liên kế, khu biệt thự, nhà ở tại khu đất nền).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Ông Trữ - suối Bung Môn – Sông Đồng Môn – Sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 điểm, điểm cuối cùng của ống thoát nước thải uPVC D200 PN6 (được thiết kế trong lòng cống thoát nước mưa) → đầu nối vào hệ thống thoát nước của dự án tuyến thoát nước mưa từ Khu dân cư Kim Oanh qua Khu tái định cư Bình Sơn (Văn bản số 8084/UBND-KT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc thỏa thuận hướng thoát nước mưa, nước thải dự án Khu dân cư Kim Oanh) → nguồn tiếp nhận suối Ông Trữ → suối Bung Môn - Sông Đồng Môn → sông Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1196342,14; Y= 421790,16 (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 567 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua	mg/l	1		

6	Amoni	mg/l	5		CP (tương ứng lưu lượng xả thải tối đa 567 m ³ /ngày.đêm)
7	Nitrat	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước mưa.

Nước thải từ các hộ dân được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó, dẫn theo đường ống uPVC D114 đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của khu dân cư. Nước thải từ các hố ga sẽ được thu gom theo đường ống HDPE D200-D400 mm tự chảy theo độ dốc tự nhiên dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 567 m³/ngày.đêm (modul 1).

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0 được thoát vào ống thoát nước thải bằng nhựa HDPE kích thước D200 trên đường KO - D15 dẫn đến nút giao trên đường KO - D15 và đường D9 có chiều dài khoảng 184,2m và tiếp tục dẫn qua ống thoát nước thải bằng nhựa uPVC kích thước D200mm PN6 (có chiều dài khoảng 606,6 m, dọc trên đường D9, được thiết kế trong lòng cống thoát nước mưa) sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước của dự án Khu tái định cư Bình Sơn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải Modul 1: nước thải → bể thu gom → bể tách mỡ → bể điều hòa → bể Anoxic → bể sinh học hiếu khí FBR → bể lắng sinh học → bể khử trùng → mương quan trắc (thực hiện lắp đặt thiết bị sau khi lượng nước thải của dự án phát sinh từ 1.000 m³/ngày.đêm trở lên) → đường ống thoát nước thải HDPE D200 trên đường KO-D15 dẫn đến nút giao trên đường KO - D15 và đường D9 → đường ống thoát nước thải uPVC D200 PN6 (được thiết kế trong lòng cống thoát nước mưa) → đầu nối vào hệ thống thoát nước dự án Khu tái định cư Bình Sơn.

- Công suất thiết kế: 567 m³/ngày.đêm (modul 1).

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Chlorine (4,04 kg/ngày), NaOH (03 kg/ngày), mật rỉ (03 - 04 kg/ngày).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Chưa lắp đặt (thực hiện lắp đặt khi hoàn thành các hạng mục, công trình có phát sinh nước thải với lưu lượng từ 1.000 m³/ngày.đêm trở lên).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, bố trí đầy đủ thiết bị thay thế, thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành; thường xuyên bảo trì, kiểm tra đường ống thoát nước thải để thay thế kịp thời nếu phát hiện nguy cơ, dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng, đảm bảo tuyệt đối không để nước thải rò rỉ, thoát vào hệ thống thoát nước mưa; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 45 ngày (kể từ ngày gửi Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải $567 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (modul 1).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại hệ thống xử lý nước thải $567 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (modul 1):

+ Mẫu đầu vào (hồ thu gom)

+ Mẫu đầu ra (sau bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình nước thải phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của hạng mục công trình thuộc dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

- Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải, có hồ ga phục vụ cho việc lấy mẫu nước thải tại điểm xả thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý.

- Chỉ được thực hiện xả nước thải sau khi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đã hoàn thành việc đấu nối thoát nước thải từ Dự án vào hệ thống thoát nước dự án Khu tái định cư Bình Sơn.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường; không được để chảy tràn, gây ngập úng hoặc ảnh hưởng đến người dân và môi trường xung quanh. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp

ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các bể chức năng trong quy trình xử lý đủ khả năng lưu chứa, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường; Tuyệt đối không để nước thải rò rỉ, thoát vào hệ thống thoát nước mưa (kể cả nước thải sau xử lý).

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải, đường ống thoát nước thải sau xử lý; trường hợp gặp sự cố Chủ dự án báo cáo ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

- Theo dõi, kiểm soát lưu lượng nước thải phát sinh không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành ổn định, đúng quy trình kỹ thuật, xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 167/GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải 1: Mùi hôi phát sinh của hệ thống xử lý nước thải modul 1.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Tại ống xả khí của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải modul 1 của dự án Khu dân cư Kim Oanh tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X(m) = 1196974,689$; $Y(m) = 421624,615$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục (24giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_v = 1,0$, $K_p = 1,0$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ - QCVN 20:2009/BTNMT:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	Hydro sunphua (H_2S)	mg/Nm^3	7,5		
3	Amoniac và các hợp chất amoni (NH_3)	mg/Nm^3	50		
4	Mertyl Mercaptan	mg/Nm^3	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải (mùi hôi) từ khu vực xử lý nước thải: Khí thải được thu gom bằng ống hút (uPVC DN80 và DN100, dài 55m) từ bể thu gom, bể điều hòa, bể sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí, bể lắng, bể gạn bùn, bể khử trùng về hệ thống xử lý mùi thông qua 02 quạt hút (công suất $0,375\text{kw}/\text{mỗi}$ quạt hút). Thiết

bị khử mùi bằng phương pháp hấp phụ, sử dụng than hoạt tính; khí thải sau xử lý được thải ra ngoài qua ống thải uPVC DN100 được lắp đặt cao hơn mái nhà điều hành (chiều cao 4,5 m so với mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí (mùi) từ các bể xử lý nước thải → quạt hút, đường ống dẫn khí → tháp hấp thụ → ống thoát khí.

- Công suất thiết kế mỗi modul: 500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống thu gom khí thải. Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép hoặc phát hiện mùi hôi thối khó chịu, tạm dừng hoạt động để kiểm tra, khắc phục sự cố, để đảm bảo toàn bộ khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi phát tán ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải (mùi), công suất 500 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải (mùi) bằng than hoạt tính, công suất hệ thống 500 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý mùi theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, việc quan trắc khí thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải từ hoạt động của dự án phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường; không để phát tán khí thải (mùi hôi) khó chịu, gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu sử dụng để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý khí thải của dự án.

3.3. Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm của dự án khi đã hoàn thành việc thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của dự án cho cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát việc thực hiện. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý khí thải tại dự án.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc; Thực hiện trồng cây xanh đảm bảo theo đúng diện tích quy hoạch.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi tăng cường các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải (mùi) không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 167/GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Dòng số 01 có tọa độ: X= 1196973,775; Y= 421632,413 (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	55	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và thay thế các chi tiết linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép.

- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên trạm xử lý góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, giám sát chặt chẽ chất lượng tiếng ồn, độ rung nhằm đánh giá, đưa ra giải pháp khắc phục phù hợp.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 167/GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì kim loại (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Từ các hoạt động hộ gia đình	18 01 02	Rắn	500	NH
2	Bao bì mềm (đã chứa hóa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Từ các hoạt động chăm sóc cây xanh, bao bì đựng hóa chất trạm xử lý nước thải	18 01 01	Rắn	750	KS
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải ra là chất thải nguy hại) thải	Từ các hoạt động chăm sóc cây xanh, bao bì đựng hóa chất trạm xử lý nước thải	18 01 03	Rắn	750	NH
4	Chất tẩy rửa có các thành phần nguy hại	Từ hoạt động hộ gia đình	16 01 10	Lỏng	772,5	KS
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Từ các hoạt động hộ gia đình	16 01 06	Rắn	1.000	NH
6	Các loại dầu thải (dầu nhớt, mỡ bôi trơn,...)	Từ hoạt động bảo trì, sửa chữa xe, máy móc thiết bị trạm XLNT tập trung	17 02 03	Lỏng	800	NH
7	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa thành phần nguy hại	Từ các hoạt động hộ gia đình	16 01 09	Rắn/ Lỏng	850	KS
8	Thiết bị điện tử thải	Từ các hoạt động hộ gia đình	16 01 13	Rắn	1.500	NH
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại	Từ hoạt động sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị	18 02 01	Rắn	1.750	KS

Stt	Tên chất thải	Nguồn phát sinh	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
	các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại					
10	Pin, ắc quy thải	Từ hoạt động hộ gia đình	16 01 12	Rắn	1.000	NH
11	Than hoạt tính	Hệ thống xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	564	NH
Tổng					10.236,5	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	40.358	12 06 10	TT
2	Bùn từ bể tự hoại	45.333	12 06 13	TT
3	Dầu mỡ thải (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách nước	7.450	12 06 11	TT
Tổng cộng		93.141		

1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1.734.480
Tổng cộng		1.734.480

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 11 thùng chứa dung tích 240 lít/thùng.

2.1.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Kho chứa chất thải nguy hại diện tích là 15,58 m² (kích thước dài x rộng = 4,1 m x 3,8 m) bố trí bên trong nhà điều hành của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Vách tường bao xung quanh; mái bằng BTCT; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không có.

- Bùn thải của bể tự hoại từ các hộ dân: Hợp đồng với đơn vị có chức năng (xe hút hầm cầu) thu gom và xử lý.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ trong 02 bể gạn bùn, mỗi bể có thể tích $8,4 \text{ m}^3$; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ được thu gom chứa trong thùng HDPE 240 lít lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chịu trách nhiệm quản lý, thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng quy định về pháp luật bảo vệ môi trường và Quyết định số 04/2024/UBND ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng nhựa có nắp đậy đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

+ Khu nhà ở: Chất thải rắn sinh hoạt được hộ dân phân loại triệt để tại nguồn; lưu chứa trong các bao bì, thiết bị theo đúng quy định; chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom rác tại địa phương để đưa đi xử lý. Việc phân loại, lưu chứa, thời gian, tần suất thu gom thực hiện theo quy định của địa phương và theo quy định tại Quyết định số 04/2024/UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

+ Đối với khu vực công cộng và công viên: Trang bị các thùng rác chuyên dụng ở những vị trí dễ tiếp cận để đơn vị có chức năng thu gom dễ dàng thu gom và vận chuyển đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, bố trí đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định; Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù



hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn người dân thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 167/GPMT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Tiếp tục hoàn thành xây dựng và vận hành các hạng mục, công trình còn lại của dự án theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất 49,8 ha tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2. Các hạng mục công trình đất/nhà ở, công trình chung cư, khu công cộng – dịch vụ đô thị (trường học và khu thương mại dịch vụ).

3. Công trình xử lý nước thải, khí thải (mùi hôi) modul 2; lắp đặt quan trắc tự động, liên tục nước thải.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

4. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của dự án. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án và đầu nổi vào nguồn tiếp nhận; và lưu ý chỉ được thực hiện xả nước thải vào nguồn tiếp nhận khi hoàn

ĐỒNG NAI

thành tuyến thoát nước từ ranh dự án (điểm đầu nổi nước thải) đến suối Ông Trữ và báo cáo về Sở Tài nguyên Môi trường trước khi thực hiện xả nước thải; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

5. Có biện pháp kiểm soát chất lượng khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT; tuyệt đối không xả khí thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận.

6. Thực hiện niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng; bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại chất thải tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư.

7. Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh.

8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

9. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

10. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

11. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định.

12. Thực hiện các công trình/biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

13. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

14. Xây dựng quy chế hoạt động của khu dân cư.

15. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.